| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST<br>Ngày 29/5/2020<br>V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con. | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà*: Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Khóa và bà Ngô Thị Thơm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Bích Thủy - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà***: Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/5/2020 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Chị Đào Thị N, sinh năm 1998; nơi đăng ký HKTT: xã T, huyện T1, tỉnh Hải Dương; chỗ ở hiện nay: Thôn T2, xã N, huyện P, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

***Bị đơn:*** Anh Vũ Đình H, sinh năm 1991; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn P, xã T, huyện T1, tỉnh Hải Dương; chỗ ở hiện nay: Cộng hòa Séc (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Đào Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Đình H kết hôn với nhau vào ngày 08/9/2016 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị và anh H sống cùng bố mẹ anh H ở thôn P, xã T, huyện T1, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa Séc, do sống xa nhau nên anh chị luôn nghi ngờ về sự chung thủy của nhau, mỗi lần nói chuyện điện thoại

thường xảy ra cãi nhau. Từ cuối năm 2017, chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở xã N, huyện P, tỉnh Hưng Yên sống, chị và anh H không liên lạc và quan tâm gì tới nhau nữa. Giữa năm 2019, khi anh H về nước thăm nhà đã muốn ly hôn chị nhưng do thời gian ở Việt Nam ít nên chưa kịp giải quyết ly hôn, anh H đã phải trở lại nước ngoài. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Chị chỉ biết anh H sống tại ZAVODI 333.75 KOJETIN, PREROW, Cộng hòa Séc chứ không biết địa chỉ cụ thể như thế nào.

Về quan hệ con chung: Chị và anh H có một con chung là Vũ Thị P, sinh ngày 24/01/2017, hiện đang ở cùng chị. Nguyện vọng của chị muốn được nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị mở cửa hàng làm tóc, thu nhập bình quân khoảng 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do chị N không cung cấp được địa chỉ của anh H tại Cộng hòa Séc nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu gia đình anh H cung cấp địa chỉ của anh H. Ông Vũ Đình Nên và bà Nguyễn Thị Mạc (bố mẹ đẻ anh H) trình bày: Ông bà chỉ biết anh H lao động tại Cộng hòa Séc chứ không biết địa chỉ cư trú cụ thể của anh H ở đâu, song anh H thường xuyên liên lạc bằng điện thoại về nhà. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án giao, ông bà đều thông báo bằng điện thoại cho anh H biết. Còn nguyên nhân mâu thuẫn của anh H và chị N là do anh H đi xuất khẩu lao động ở Cộng hòa Séc, chị N ở nhà đi làm công ty đã có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng chị N không nghe, mỗi lần anh H gọi điện về cho chị N thì vợ chồng lại xảy ra cãi nhau. Từ cuối năm 2017, chị N đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở Hưng Yên sống, không quan tâm gì đến chồng và gia đình nhà chồng. Năm 2019 anh H về nước và cũng có nguyện vọng ly hôn chị N nhưng do thời gian về nước ít nên chưa kịp giải quyết. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các băn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị N và anh H. Tại biên bản xác minh ngày 22/4/2020, đại diện lãnh đạo xã T cùng Tư pháp xã, đại diện Hội phụ nữ, lãnh đạo thôn P đều xác nhận chị N và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do anh H nghi ngờ chị N không chung thủy, chị N đã đưa con về quê ngoại ở Hưng Yên sinh sống từ lâu.

Đại diện Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em ở xã T đề nghị Tòa án giao cháu Vũ Thị P (là con chung của chị N, anh H) cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu còn nhỏ, đã ở cùng chị N từ bé, hơn nữa anh H hiện đang lao động tại nước ngoài nên không có điều kiện chăm sóc cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu và thời gian chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn, đến hết thời hạn xét xử mới giải quyết vụ án. Do vậy Viện kiểm sát không phát biểu đường lối giải quyết vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Chị Đào Thị N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Vũ Đình H là người Việt Nam hiện đang sinh sống ở Cộng hòa Séc, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N không cung cấp được địa chỉ của anh H tại Cộng hòa Séc. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án đã yêu cầu gia đình anh H cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được mà chỉ thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H biết bằng điện thoại, đồng thời Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ. Tại phiên tòa lần hai, chị N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị N và anh Vũ Đình H tự nguyện kết hôn và đã được UBND xã T, huyện T1 đăng ký, cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/9/2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của chị N, biên bản xác minh tại địa phương, lời khai của ông Nên, bà Mạc (là bố mẹ anh H) có căn cứ xác định trong cuộc sống chị N và anh H có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, không có sự tin tưởng nhau (anh H nghi ngờ chị N ngoại tình) và vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị N đã tự đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở Hưng Yên sống từ lâu, vợ chồng không còn

liên lạc cũng như quan tâm đến nhau nữa. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh H đã được bố mẹ thông báo về việc chị N xin ly hôn anh nhưng anh H không có văn bản, tài liệu gì thể hiện quan điểm muốn vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh H.

[4] Về quan hệ nuôi con chung: Cháu Vũ Thị P là con chung của chị N và anh H hiện đang sống cùng chị N, chị N cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng. HĐXX thấy hiện nay cháu P còn nhỏ (sinh ngày 24/01/2017), rất cần sự chăm sóc của mẹ và từ nhỏ đến nay cháu vẫn được mẹ chăm sóc tốt. Mặt khác, chị N có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con, anh H đang lao động ở nước ngoài, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc cháu được. Do đó, cần giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống của cháu là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết. Anh H không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên sau này nếu anh H có yêu cầu giải quyết thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị N, xử cho chị Đào Thị N ly hôn anh Vũ Đình H.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao cho chị Đào Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Vũ Thị P, sinh ngày 24/01/2017 đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đào Thị N không yêu cầu anh Vũ Đình H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh Vũ Đình H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đào Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/0002083 ngày 05/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đào Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Vũ Đình H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
-VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T, huyện T1;
- UBND xã N, huyện P, tỉnh Hưng Yên;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đoàn Thị Hương Nhu**